TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH L **TỈNH VINH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 6 - 2023
T/c về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn T

2. Bà Nguyen Thi Lan P

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bui Thi Be D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh L tham gia phiên tòa:* (không tham gia).

Ngày12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 tranh chấp về việc "*Ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: *Bà Tran Thi Thuy H, sinh năm 1994 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Ấp Long Q, xã Thanh Đ, huyện Long H, tỉnh Vinh L.

Địa chỉ liên lạc: Benh vien Hoan M Cuu L, Lô 20, đường Vo Nguyen G, phường Phu T, quận Cai R, Thanh Pho Can T.

2. Bị đơn: *Ông An Nhat T, sinh năm 1993 (vắng mặt)*

Hộ khẩu thường trú số 188E, Đường 8/3, Phương 5, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/02/2023 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Bà H và ông T quen biết tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phương 5, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L vào ngày 19/12/2019. Sau kết hôn, bà H sống và làm việc tại Thanh Pho Can T, ông T sinh sống tại nhà cha mẹ ruột tại Phương 5, thành phố Vinh L. Đến đầu năm 2020, vợ chồng đoàn tụ sinh sống cùng nhau tại Thanh Pho Can T rất hạnh phúc nhưng sau 01 năm thì phát sinh mâu

thuẫn, do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng, không hợp nhau về tính tình. Đến tháng 8 năm 2022 vợ chồng ly thân cho đến nay, bà H xác định không còn tình cảm và yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung, không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn An Nhat T vắng mặt các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ: Tòa án tống đạt văn bản tố tụng lần nhất vào ngày 02/3/2023 và lần hai vào ngày 04/4/2023 để tham gia phiên họp lần nhất ngày 27/3/2023 và phiên họp lần hai ngày 21/4/2023 ông T vắng mặt; thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T vào ngày 04/5/2023.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H vắng mặt theo đơn đề nghị ngày 21/4/2023 và bảo lưu ý kiến trình bày tại biên bản hòa giải ngày 21/4/2023, không có tài liệu mới để xuất trình.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T vắng mặt, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng lần thứ nhất vào ngày 04/5/2023; lần hai vào ngày 20/5/2023 để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 17/5/2023 và phiên tòa sơ thẩm lần hai ngày 12/6/2023 nhưng ông T vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn cư trú tại địa phận thành phố Vinh L. Xét đây là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Bà H đề nghị xét xử vắng mặt, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông T theo luật định.

[2]. Bà H và ông T đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phương 5, thành phố Vinh L là đã tuân thủ điều kiện kết hôn, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2019.

Về mâu thuẫn vợ chồng, bà H xác định do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính tình. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay, bà H xác định không còn

tình cảm với ông T và yêu cầu được ly hôn. Về phía ông T vắng mặt các phiên họp hòa giải, không có văn bản phản hồi nội dung thông báo thụ lý vụ án và thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải nên ông T phải chịu mọi hậu quả do không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T không thể đem đến sự quan tâm và yêu thương, cùng nhau xây dựng một gia đình đầm ấm và hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ tài sản, bà H xác định không có tài sản và nợ tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, bà H phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số N^0 0001886 ngày 21/02/2023 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vinh L; bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Ông T không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14; các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà Tran Thi Thuy H và ông An Nhat T.

- **Về con chung:** Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- **Về tài sản chung, nợ tài sản:** Bà H xác định không có tài sản và nợ tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

II. Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số N^0 0001886 ngày 21/02/2023 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vinh L; bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Ông T không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án xử công khai vắng mặt bà H và ông T. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ nhận bản án hoặc ngày niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thu T

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- VKS.ND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã, phường;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.